

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2021/HS-PT

Ngày: 29-4-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Huy Toàn

*Các Thẩm phán:* Ông Trương Văn Lộc

Ông Nguyễn Văn Tài

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Tường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 33/2021/TLPT-HS ngày 26 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo Vũ Xuân H. Do có kháng cáo của bị cáo và bị hại bà Tiêu Thị B đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 07/2021/HS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

**- Bị cáo có kháng cáo:**

Vũ Xuân H sinh năm 1989 tại tỉnh N; địa chỉ thường trú: ấp 3, xã G, huyện Đ, tỉnh Đ; địa chỉ tạm trú: ấp 4, xã H, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Xuân H và bà Bùi Thị H; bị cáo có vợ (đã ly hôn) và 02 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 09 tháng 7 năm 2005, bị Chủ tịch UBND huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai ra Quyết định số 3658/QĐ-UB-NC đưa vào trường giáo dưỡng số 4, thời hạn 24 tháng về hành vi trộm cắp tài sản, đã chấp hành xong ngày 13 tháng 02 năm 2007. Bị cáo tại ngoại. Có mặt

**- Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Nguyễn Huy Tường – Luật sư Văn phòng Luật sư Phở Minh thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương. Có mặt

**- Bị hại có kháng cáo:**

Bà Tiêu Thị B, sinh năm 1993; địa chỉ: tổ 3, ấp 4, xã H, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Có mặt

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 20/3/2019, Vũ Xuân H điều khiển xe mô tô biển số 60B4-599.75 đến nhà bà Tiêu Thị B và leo qua hàng rào vào trong sân đợi bà B về. Khoảng 30 phút sau, bà B về đến nhà, cãi nhau với H và đuổi H về. H điều khiển xe mô tô biển số 60B4-599.75 trở về phòng trọ. Sau khi H ra về, bà Nguyễn Thị M đến nhà bà B chơi và ngủ lại qua đêm.

Đến khoảng 01 giờ 00 phút ngày 21/3/2019, H nảy sinh ý định sang nhà bà B trộm tài sản bán lấy tiền tiêu xài nên điều khiển xe mô tô biển số 60B4-599.75 đến nhà bà B. Đến nhà bà B, H lén lút mở cửa hông để đi vào trong nhà. H nhìn thấy xe mô tô biển số 83P-288.22 của bà M và xe mô tô biển số 83S6-8522 của bà B nên tìm chìa khóa để mở cốp xe lấy tài sản. Khi tìm được chìa khóa, H mở cốp xe của bà B, không thấy tài sản nên tiếp tục mở cốp xe của bà M thì phát hiện 01 ví da của bà M và lấy cất giấu. Sau đó, H đi vào phòng ngủ của bà B thì thấy bà B và bà M đang ngủ say. H lén lút lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu Iphone Xs Max 64G màu trắng và 01 túi xách hiệu Louis Vuitton của bà B. Sau khi chiếm đoạt được tài sản, H đi ra sau nhà bà B, mở ví da của bà M thấy có 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 83P-288.22 đều mang tên Nguyễn Thị M. H mở túi xách da hiệu Louis Vuitton của bà B có 01 ví da màu đen bên trong có 5.000.000 đồng, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 83S6-8522 và 01 giấy phép lái xe đều mang tên Tiêu Thị B. H lấy tài sản và giấy tờ bỏ vào túi quần còn ví da của bà M và túi xách, ví da của bà B thì H vứt bỏ tại khu vực gần nhà bà B. Sau đó, H điều khiển xe mô tô biển số 60B4-599.75 đi về phòng trọ và cất giấu tài sản, giấy tờ đã lấy trộm được.

Khoảng 11 giờ cùng ngày, trong lúc ngồi uống nước với ông Đỗ Văn K ở trước cổng Công ty Hồng S, H nhìn thấy lực lượng Công an đi vào nên lấy 4.500.000 đồng đưa cho ông K nhờ giữ hộ mà không nói cho ông K biết đây là tiền H lấy trộm của bà B.

Theo kết luận định giá: điện thoại di động hiệu Iphone Xs Max 64G màu trắng có trị giá là 23.200.000 đồng, 01 ví da có hoa văn ca rô màu nâu đen và hai đường dây kéo màu vàng ở giữa có giá trị là 50.000 đồng, 01 túi xách da hoa văn ca rô màu nâu đen hiệu Louis Vuitton có giá trị là 150.000 đồng và 01 ví da màu đen có dây kéo bằng kim loại màu vàng có giá trị là 10.000 đồng. Như vậy, tổng giá trị các tài sản bị chiếm đoạt là 28.410.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 07/2021/HS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Vũ Xuân H 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày ngày 15/12/2020. Khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 20/02/2020 đến ngày 23/4/2020.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/01/2021, bị cáo Vũ Xuân H kháng cáo kêu oan, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên hủy án sơ thẩm, đình chỉ giải quyết vụ án, tuyên bố bị cáo không phạm tội và đình chỉ giải quyết vụ án.

Ngày 01/02/2021, bị hại Tiêu Thị B kháng cáo yêu cầu tuyên bố bị cáo Vũ Xuân H không phạm tội trộm cắp tài sản, vì tài sản bị cáo H lấy là tài sản chung vợ chồng chưa chia, là tài sản chung hợp nhất nên bị cáo H có quyền sử dụng tài sản của mình.

Tại phiên tòa, bị cáo, bị hại vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến:

Quá trình điều tra, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, bị hại đã có đơn tố giác tội phạm về việc bị trộm cắp tài sản cá nhân của bị hại, bị cáo thừa nhận trộm tài sản của riêng bị hại. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bị cáo, bị hại thay đổi lời khai, cho rằng đây là tài sản chung của vợ chồng. Thời điểm phạm tội, bị cáo và bị hại đã ly hôn, bị cáo và bị hại không phải là vợ chồng, bị cáo đã đột nhập vào nhà của bị hại, lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại và bà M, tài sản bị cáo chiếm đoạt là tài sản thuộc quyền chiếm hữu tài sản riêng của bà B và bà M. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội trộm cắp tài sản là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Bị cáo, bị hại kháng cáo kêu oan nhưng không cung cấp thêm được tình tiết nào mới. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Bị cáo Vũ Xuân H tranh luận:* Viện Kiểm sát có hành vi mớm cung bị cáo, hướng dẫn bị cáo làm đơn từ chối Luật sư, nhận toàn bộ tội để được hưởng án treo. Viện Kiểm sát không chứng minh được tài sản là của chung hay của riêng, Viện Kiểm sát không làm rõ tài sản bị cáo lấy có nguồn gốc là tài sản chung hay riêng mà kết luận bị cáo trộm cắp tài sản là không khách quan, oan sai. Bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo, bởi lẽ bị cáo và bị hại là không hợp tính cách nên chỉ ly hôn để tránh cãi vã, ảnh hưởng đến con cái, Trên thực tế, bị cáo thường xuyên về căn nhà chung của vợ chồng để thăm vợ. Điện thoại là do bị cáo mua và sử dụng chung với vợ mình khi cần. Tiền thì trong số tiền của vợ chồng còn, bị cáo chỉ sử dụng xe đi làm, cũng thỉnh thoảng chở vợ bị cáo đi làm. Bị cáo chỉ lấy tiền của bị cáo, như vậy bị cáo không thể phạm tội trộm cắp tài sản.

*Người bào chữa cho bị cáo Vũ Xuân H tranh luận:* Không đồng ý với quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát, đây là vụ án oan sai rất rõ ràng có tính chất oan sai tương tự như vụ án Huỳnh Văn Nén, đề nghị hủy và đình chỉ vụ án,

tuyên bố Vũ Xuân H không phạm tội trộm cắp tài sản. Bởi lẽ, toàn bộ tài liệu chứng cứ thể hiện tài sản mà cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm xác định Vũ Xuân H chiếm đoạt thực chất là tài sản chung vợ chồng chưa chia và cũng không xác định được giá trị tài sản của mỗi bên, vợ chồng không chứng minh tài sản riêng được thì là tài sản chung hợp nhất theo quy định tại Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình. Hồ sơ vụ án có đủ căn cứ xác định điện thoại di động và số tiền 5.000.000 đồng là tài sản chung vợ chồng giữa Vũ Xuân H và bà Tiêu Thị B. Cả xe mô tô mà cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm xác định là phương tiện thực hiện tội phạm thì cũng là tài sản chung vợ chồng. Viện Kiểm sát cho rằng có căn cứ về việc phạm tội của H nhưng tất cả căn cứ chỉ dựa vào lời khai chứ không hề có 01 chứng cứ nào. Cấp sơ thẩm đã trả hồ sơ điều tra bổ sung để làm rõ đây là tài sản chung hay tài sản riêng nhưng cơ quan điều tra cũng không điều tra được mà Tòa án cấp sơ thẩm vẫn tiến hành xét xử. Khách thể của tội phạm trộm cắp tài sản là tài sản của người khác, tuy nhiên, bị cáo không xâm phạm tài sản của người khác mà lấy tài sản của chính mình. Còn về tài sản của bà M đã có kết quả định giá không đủ 200.000 đồng nên không đủ căn cứ để khởi tố vụ án. Bà B chỉ làm lương 5.000.000 đồng/tháng, không đủ ăn đủ mặc nhưng sử dụng điện thoại giá trị hơn 20.000.000 đồng, tiền trong ví 5.000.000 đồng, bà B cũng thừa nhận đây là tài sản chung, trường hợp không chứng minh được đây là tài sản chung hay riêng thì đây là tài sản chung theo Luật Hôn nhân gia đình. Quá trình điều tra có vi phạm nghiêm trọng tố tụng, lời nhận tội, lời khai của bị can, bị cáo, bị hại chỉ coi là chứng cứ khi phù hợp với những chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Trách nhiệm chứng minh tội phạm là trách nhiệm của cơ quan điều tra. Cũng theo quy định của Luật Tố tụng hình sự về suy đoán vô tội, khi không đủ và không thể làm sáng tỏ căn cứ để buộc tội, kết tội theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định thì cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải kết luận người bị buộc tội không có tội.

*Bị hại có ý kiến tranh luận:* Bị hại thống nhất ý kiến bị cáo là tài sản gồm nhà, đất, xe, điện thoại, tiền mặt đều là tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân chưa được chia, ban đầu bị hại không biết bị cáo lấy điện thoại, xe. Sau này thì biết nhưng do cơ quan điều tra không hỏi về nguồn gốc tài sản nên bị hại không biết để khai báo là tài sản chung vợ chồng. Do vậy, bị hại mong Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo, bị hại.

*Viện Kiểm sát tranh luận:* Bị cáo thừa nhận có hành vi lén lút lấy tài sản. Bị cáo cho rằng từ chối Luật sư là do Viện Kiểm sát yêu cầu nhưng việc bị cáo từ chối Luật sư là do bị cáo có đơn và có xác nhận của Nhà tạm giữ Công an thị xã Tân Uyên. Tài sản do người bị hại đang quản lý, chiếm giữ vì điện thoại do bị hại đang giữ và cấm sặc nơi vị trí bị hại ngủ, số tiền là trong ví của bị hại, bị hại cũng thừa nhận thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại là khi bị cáo muốn lấy tiền thì bị cáo nói bị hại biết rồi bị hại mới lấy đưa chứ bị cáo không tự ý lấy tiền trong ví của bị hại.

*Người bào chữa cho bị cáo Vũ Xuân H tranh luận:* Không đồng ý với Viện Kiểm sát vì Viện Kiểm sát không làm rõ được nguồn gốc tài sản, không

cho ông H có quyền quản lý, sử dụng đối với tài sản của mình. Không ai được tước bỏ quyền quản lý, định đoạt đối với tài sản được sở hữu hợp pháp của cá nhân được Nhà nước bảo hộ. Việc chứng minh tài sản riêng hay chung để chứng minh tội phạm là trách nhiệm của cơ quan tố tụng. Đây là 01 vụ án oan sai.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: kính mong Hội đồng xét xử xem xét tình tiết tài sản bị cáo lấy là của bị cáo và bị hại, đây là tài sản chung, bị cáo không có tội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo, bị hại được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện việc điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng sơ thẩm, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cho rằng mình bị điều tra viên, Kiểm sát viên mớm cung nên khai không đúng sự thật. Tuy nhiên, bị cáo chỉ trình bày mà không đưa ra được chứng cứ chứng minh các tài liệu mà cấp sơ thẩm thu thập là có vi phạm, trình bày của bị cáo là không phù hợp với các tài liệu chứng cứ mà cấp sơ thẩm thu thập có trong hồ sơ. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Căn cứ vào lời khai của bị cáo, bị hại và các chứng cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xác định: bị cáo Vũ Xuân H và bà Tiêu Thị B là vợ chồng, đăng ký kết hôn lần đầu ngày 15/4/2015 và thuận tình ly hôn ngày 08/5/2017. Ngày 28/6/2017, H và bà B đăng ký kết hôn lại, đến ngày 18/01/2019 thuận tình ly hôn. Cả hai lần ly hôn chưa phân chia tài sản chung vợ chồng. Bà B đang sinh sống tại căn nhà được cấp giấy phép xây dựng ngày 11/7/2017 xây dựng trên đất do Tiêu Thị B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp ngày 08/5/2015 của hai vợ chồng H, B tại ấp 4, xã H, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Do muốn quay lại với B nên tối ngày 20/3/2019, bị cáo H đến nhà gặp B để hòa giải nhưng B không đồng ý, bị cáo H quay về phòng trọ. Rạng sáng ngày 21/3/2019, bị cáo H nảy sinh ý định quay lại nhà nơi B đang ở lấy tài sản, giấy tờ của B nên H điều khiển xe mô tô biển số 60B4-599.75 đến nhà mở cửa hông (không khóa) vào trong nhà mở yên xe mô tô biển số 83P-288.22 của bà Nguyễn Thị M (là bạn được B rủ đến nhà ngủ chung) lấy 01 ví da rồi đi vào trong phòng

ngủ lấy 01 túi xách hiệu Louis Vution có số tiền 5.000.000 đồng, 01 ví da nhỏ chứa một số giấy tờ tùy thân của B và 01 điện thoại di động hiệu Iphone Xs Max 64G màu trắng (đang sạc pin) của B. H mang tất cả ra ngoài, lấy tiền, giấy tờ và vứt túi xách, ví rồi quay về phòng trọ cất giấu giấy tờ và điện thoại trên trần la phòng. Sau khi phát hiện mất tài sản, bà Tiêu Thị B và bà Nguyễn Thị M đến trình báo Công an.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo, bị hại bà Tiêu Thị B: bị cáo Vũ Xuân H và bị hại bà Tiêu Thị B kháng cáo kêu oan, cho rằng tài sản 01 điện thoại di động hiệu Iphone Xs Max 64G màu trắng và số tiền 5.000.000 đồng do bị cáo có hành vi lén lút lấy được là tài sản chung của bị cáo H và bà B, do đây là tài sản của bị cáo nên bị cáo không phạm tội trộm cắp tài sản.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo, bị hại đều khai nhận, điện thoại và số tiền 5.000.000 đồng đều là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân chưa thỏa thuận chia, hai bên cùng nhau quản lý và sử dụng chung. Tuy nhiên, căn cứ theo lời khai của bị hại bà B tại các bút lục số 14, 15, 74,75, 336, 337, tại phiên tòa hình sự sơ thẩm ngày 06/9/2019 (bút lục 148-153) thể hiện 01 điện thoại di động hiệu Iphone Xs Max 64G màu trắng và số tiền 5.000.000 đồng là tài sản riêng của bà B. Lời khai của bà B phù hợp với lời khai của bị cáo Vũ Xuân H tại các bút lục số 08-12, 32, 46-49, 82-85, 148-153, 29-305, 309, 310, H thừa nhận 01 điện thoại di động hiệu Iphone Xs Max 64G màu trắng và số tiền 5.000.000 đồng là tài sản riêng của bà B.

Lời khai nhận của bị cáo H (bút lục số 10), mục đích thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là do bà B hứa sẽ quay lại với H nhưng khi H đến gặp bà B để nói chuyện thì bà B không đồng ý quay lại và đuổi H về nên H bức tức nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của bà B để đem bán lấy tiền tiêu xài.

Tại Biên bản xác định vật chứng ngày 21/3/2019 (bút lục số 23), bị cáo H và bị hại B xác định 01 điện thoại di động hiệu Iphone Xs Max 64G màu trắng và số tiền 5.000.000 đồng là tài sản riêng của bà B do H lấy trộm của bà B. Tại bút lục số 15, bị hại B xác định số tiền 5.000.000 đồng là tiền của cá nhân bà B tích góp được.

Xét thấy, trong suốt quá trình điều tra đến khi kết thúc xét xử sơ thẩm lần thứ nhất, bị hại bà Tiêu Thị B và bị cáo có lời khai thống nhất xác định tài sản bị cáo H trộm cắp là tài sản riêng của bà B, lời khai này phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm lần thứ nhất, bị cáo và bị hại bà Tiêu Thị B liên tục thay đổi lời khai, có nhiều lời khai mâu thuẫn với nhau, bị cáo trình bày tại Bản tự khai ngày 23/4/2020 (bút lục số 305) nguyên nhân bị cáo có lời khai gian dối, không đúng sự thật do bị cáo H sợ phải đi tù, không ai lo cho con của H nên H thay đổi lời khai so với ban đầu và gặp bà B yêu cầu bà B cùng thay đổi lời khai với H.

Như vậy đã có cơ sở khẳng định lý do bị cáo, bị hại thay đổi lời khai tại phiên tòa phúc thẩm so với lời khai ban đầu là để gỡ tội cho bị cáo, không phản ánh đúng sự thật khách quan của vụ án, đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo

H đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật và không oan. Kháng cáo kêu oan của bị cáo và bị hại là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Quan điểm của người bào chữa cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng trong việc điều tra, thu thập chứng cứ, cấp sơ thẩm dùng lời khai mâu thuẫn nhau để buộc bị cáo là không khách quan, tài sản bị cáo lấy là tài sản chung hợp nhất của vợ chồng bị cáo là không phản ánh đúng các chứng cứ thu thập ban đầu của cấp sơ thẩm, việc bị cáo và bị hại thay đổi lời khai sau khi xét xử sơ thẩm là do cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo bằng hình phạt tù, việc thay đổi lời khai của bị cáo và bị hại là không có căn cứ, không có cơ sở để phản bác lại lời khai đã khai ban đầu. Do đó, đề nghị của người bào chữa về việc hủy án sơ thẩm, tuyên bị cáo không phạm tội là không có cơ sở để chấp nhận.

[6] Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[7] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Về án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Vũ Xuân H và bị hại bà Tiêu Thị B phải chịu theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Xuân H và bị hại bà Tiêu Thị B về kêu oan, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 07/2021/HS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Vũ Xuân H 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 15/12/2020. Khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 20/02/2020 đến ngày 23/4/2020.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Vũ Xuân H và bị hại bà Tiêu Thị B mỗi người phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao (Vụ GDKT 1);
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Phòng Hồ sơ – Công an tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (4);
- Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (2);
- Bị cáo,
- Người tham gia tố tụng (2);
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Lưu VP (3), hồ sơ vụ án, NMT, 18.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Huy Toàn**



## **CÁC THẨM PHÁN**

## **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA**

**Nguyễn Văn Tài**

**Trương Văn Lộc**

**Hoàng Huy Toàn**

